



BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
To: - State Securities Commission of Vietnam

1.	Tên Công ty quản lý quỹ: Fund Management Company:	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng Phu Hung Fund Management Joint Stock Company
2.	Tên Ngân hàng giám sát: Supervising bank:	Ngân Hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch
3.	Tên Quỹ: Fund name:	QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM Phu Hung Vietnam Select Investment Fund
4.	Kỳ báo cáo: Reporting Period:	Từ 24/04/2025 đến 30/04/2025 From 24-Apr-2025 to 30-Apr-2025
5.	Ngày lập báo cáo: Reporting Date:	05/05/2025 5-May-2025

Đơn vị tính: VND
Unit: VND

Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng tuần/Weekly report on change of net asset value

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	KỶ BÁO CÁO NÀY THIS PERIOD 30/04/2025	KỶ BÁO CÁO TRƯỚC LAST PERIOD 23/04/2025
I	Giá trị tài sản ròng (NAV) Net Asset Value		
1	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ Net Asset Value at the beginning of period		
1.1	của quỹ/per Fund	158,045,094,648	155,928,951,714
1.2	của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate	10,953.22	10,824.27
2	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ Net Asset Value at the end of period		
2.1	của quỹ/per Fund	158,722,231,483	158,045,094,648
2.2	của một chứng chỉ quỹ/per Fund certificate	10,997.91	10,953.22
3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong kỳ, trong đó: Change of NAV during period, in which:		
3.1	Thay đổi do biến động thị trường và các hoạt động giao dịch của quỹ trong kỳ Change of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period	644,920,279	1,859,966,765
3.2	Thay đổi giá trị tài sản ròng liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV related to investors during the period	32,216,556	256,176,169
3.2.1	Thay đổi do việc phân phối thu nhập của quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of NAV due to profit distribution to investors during the period	-	-
3.2.2	Thay đổi do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ Change of NAV due to subscription, redemption during the period	32,216,556	256,176,169
4	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trong kỳ so với kỳ trước Change of NAV per Fund certificate during period in comparison with the last period	44.69	128.95
5	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within the latest 52 weeks		
5.1	Giá trị cao nhất (VND)/Highest value (VND)	190,394,030,072	190,394,030,072
5.2	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest value (VND)	147,817,028,058	142,668,279,898
6	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết) Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund)		
6.1	Số lượng chứng chỉ quỹ/Number of Fund Certificates	9,747,326.08	9,747,326.08
6.2	Tổng giá trị/Total value	107,200,214,968	106,764,606,966
6.3	Tỷ lệ sở hữu/Ownership Ratio	67.54%	67.55%

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện có thẩm quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN
CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Nguyễn Thị Minh Châu
Phó Giám đốc Chi nhánh

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Lu Hui Hung
Tổng Giám đốc